

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 trong năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020, UBND tỉnh Vĩnh Phúc báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ trong năm 2020 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NĂM 2020

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 12/3/2020 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 09/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục chủ động, quyết liệt phòng chống dịch bệnh Covid-19, trong đó đưa ra 138 nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cho 38 Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 51/KH-UBND của UBND tỉnh nêu trên, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ đã xây dựng, kế hoạch triển khai thực hiện và quán triệt đầy đủ, sâu sắc các nội dung trên đến các đơn vị trực thuộc và toàn thể các cán bộ, công chức thực thi công vụ để thực hiện. Đến nay đã có 22/38 cơ quan trên địa bàn tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 51/KH-UBND của UBND tỉnh.

Định kỳ hàng quý, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đều có chỉ đạo, đôn đốc và yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ.

2. Một số kết quả đạt được cụ thể trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 51/KH-UBND của UBND tỉnh

2.1. Nhiệm vụ về thực thi điều kiện kinh doanh:

Đối với nội dung đảm bảo thực thi đầy đủ điều kiện kinh doanh đã bị bãi bỏ, đơn giản hóa của các quy định về điều kiện kinh doanh, không tự đặt thêm điều kiện kinh doanh trái quy định của pháp luật được các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc.

2.2. Nhiệm vụ về thực hiện quy định về cắt giảm danh mục mặt hàng và cải cách thủ tục hành chính về kiểm tra chuyên ngành:

Các cơ quan chức năng địa phương thực hiện kiểm tra chuyên ngành nhanh chóng, kịp thời, không gây phiền hà, khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Cụ thể: Chi cục hải quan tỉnh phối hợp các Sở, Ban ngành tỉnh Vĩnh Phúc, các cơ quan kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan nơi có cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các thủ tục hải quan, thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

2.3. Nhiệm vụ về việc đẩy mạnh thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4:

- Về đẩy mạnh thanh toán điện tử:

Các ngân hàng trên địa bàn đầu tư công nghệ thông tin để phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới hiện đại, thân thiện, tiện lợi, mang lại nhiều trải nghiệm và lợi ích thiết thực cho khách hàng. Hầu hết các dịch vụ được tự động hóa, sử dụng công nghệ có tính an toàn, bảo mật cao để cung ứng đến khách hàng. Các quy trình giao dịch với khách hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện, vừa đảm bảo tiết giảm chi phí cho cả khách hàng và TCTD, vừa rút ngắn thời gian giao dịch, từng bước xây dựng hạ tầng số tập trung, chuẩn hóa, tích hợp tạo hệ sinh thái số trải rộng nhiều ngành, lĩnh vực như: hệ sinh thái mobile banking kết nối với dịch vụ công, tài chính, viễn thông, điện lực, giao thông, y tế...

Bên cạnh đó, các TCTD chủ động tiếp cận với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để mở rộng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trả lương cho CBCNV qua tài khoản ngân hàng; tăng cường tiếp cận dịch vụ ngân hàng của người thu nhập thấp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tính đến hết tháng 12 năm 2020, ước có 500.000 tài khoản khách hàng mở tại các chi nhánh TCTD trên địa bàn; 5.000 đơn vị hưởng lương từ NSNN trả lương qua ngân hàng với 29.000 tài khoản.

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hoạt động thanh toán trên địa bàn có sự tăng trưởng đáng kể, số lượng thanh toán không dùng tiền mặt đạt 20,5 triệu món với giá trị 1.115 tỷ đồng; số lượng giao dịch thanh toán qua internet đạt 3,8 triệu giao dịch với giá trị 195 tỷ đồng; giao dịch qua điện thoại di động đạt 9,1 triệu giao dịch với giá trị đạt 94 tỷ đồng; số lượng thẻ giao dịch đạt mức 1,7 triệu thẻ.

Mạng lưới ngân hàng trên địa bàn tỉnh có 28 Chi nhánh ngân hàng cấp I, 9 chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp huyện, 96 PGD trực thuộc các TCTD, 31 QTDND và 136 điểm giao dịch của ngân hàng chính sách xã hội. Ngoài những vị trí kinh doanh thuận lợi, các phòng giao dịch và điểm giao dịch của TCTD

được sắp xếp đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc để phục vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân cũng như nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Hệ thống ATM, POS được chú trọng phát triển về số lượng, quy mô, nâng cao chất lượng dịch vụ. Với 225 máy ATM (tăng 5,65% so với cuối năm 2019), 730 POS (tăng 4,3% so với cuối năm 2019) được lắp đặt tại các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, các cửa hàng bán lẻ... tạo điều kiện cho người dân dễ dàng thanh toán và sử dụng dịch vụ ngân hàng.

- Về cung cấp dịch vụ công cấp độ 3, 4:

Tỉnh Vĩnh Phúc thường xuyên thực hiện việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tập trung đơn giản hoá, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, tăng cường các dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4. Hỗ trợ người dân gặp khó khăn theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ, thực hiện tốt các giải pháp tiền tệ, tín dụng đã đề ra theo tinh thần Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020, Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, gia hạn, hoãn, khoan nợ bảo hiểm xã hội cho doanh nghiệp theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị tích cực tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua internet và dịch vụ bưu chính công ích. Cụ thể:

Về phát triển dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh đã kết nối, liên thông, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tính đến nay, Cổng Dịch vụ công tỉnh Vĩnh Phúc đã đăng tải 1.869 thủ tục hành chính công, trong đó tích hợp được 772 dịch vụ công trực tuyến (357 Dịch vụ công mức độ 3 và 415 Dịch vụ công mức độ 4). Số lượng hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận, giải quyết trong năm là 7.799 hồ sơ được tiếp nhận giải quyết, trong đó có 4.035 hồ sơ mức độ 3 và 3.764 hồ sơ mức độ 4; 5.636 hồ sơ được tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh và 2.163 hồ sơ được tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tỉnh đã cung cấp 5 Dịch vụ công hỗ trợ doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó có 2 Dịch vụ công do Văn phòng Chính phủ triển khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, còn lại 3 Dịch vụ công tỉnh triển khai trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử để tiếp nhận, giải quyết các hồ sơ thông qua phần mềm.

Từ ngày 01/6/2020, đã hoàn thành việc kết nối với nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia và chính thức bổ sung kênh thu phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên nền tảng này, cung cấp thêm một kênh thanh toán nhanh chóng, an toàn, tiện lợi, giảm bớt thời gian đi lại, chờ đợi so với các kênh thanh toán truyền thống như hiện nay.

Tháng 12/2020, Văn phòng Chính phủ triển khai dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính các TTHC về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, thực hiện thí điểm tại 04 tỉnh, trong đó có tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi triển khai theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã hoàn thành việc kết nối kỹ thuật và đã thực hiện thanh toán trực tuyến thành công một số hồ sơ tại huyện Bình Xuyên và thành phố Vĩnh Yên, làm cơ sở triển khai trên toàn tỉnh từ tháng 01/2021.

Việc triển khai Dịch vụ Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đã hoàn thành và chính thức thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh từ tháng 01/2021 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh.

Số lượng hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích: 247 hồ sơ. Bưu điện trả kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân 16.735 kết quả. (năm 2019: 12.067 kết quả).

Trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh: tỷ lệ đăng ký kinh doanh qua mạng tại tỉnh Vĩnh Phúc đạt 45%.

Trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội: 100% các đơn vị đã đăng ký thực hiện giao dịch điện tử.

2.4. Nhiệm vụ về việc thực hiện thanh toán để thu học phí, viện phí, tiền điện, thủ tục hành chính bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt:

- Về dịch vụ thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính: Từ ngày 01/6/2020, tỉnh Vĩnh Phúc chính thức thu phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên nền tảng thanh toán này. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: $2.183/28.695=7,61\%$. Tỷ lệ phí, lệ phí thanh toán: $530.398.300/15.561.514.000=3,41\%$.

- Tỷ lệ tổ chức, cá nhân thanh toán tiền điện qua ngân hàng và tổ chức trung gian trên địa bàn tỉnh đạt 70,46%. Số tổ chức, cá nhân thanh toán không dùng tiền mặt thông qua việc trích nợ tự động, thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ tại tỉnh chiếm 51,65%.

2.5. Nhiệm vụ nâng cao Chỉ số A1 Khởi sự kinh doanh

- Thời gian thành lập doanh nghiệp được duy trì trong 03 ngày làm việc theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Thời gian cấp Quyết định chủ trương đầu tư cấp tỉnh không quá 25 ngày, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không quá 15 ngày. Tỷ lệ đăng ký qua mạng điện tử: Đối với các thủ tục đầu tư nước ngoài thực hiện 100% đăng ký qua mạng theo quy định của Luật Đầu tư.

- Thực hiện đầy đủ nhất quán những cải cách quy định tại Luật Doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn thi hành về Khởi sự kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các dịch vụ liên quan đến quá trình khởi sự doanh nghiệp được đẩy mạnh, nhằm giảm bớt số lần đi lại, tiết kiệm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp.

- Hàng tháng, thực hiện tổ chức rà soát, kiểm điểm tiến độ triển khai các dự án, tiến độ triển khai Luật Đầu tư công, tiến độ giải ngân, nợ xây dựng cơ bản.

- Công tác đối thoại, nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, kịp thời song song với tăng cường công tác quản lý Nhà nước sau đăng ký kinh doanh.

- Về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 09/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các cơ quan tích cực triển khai đồng bộ các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức các đoàn liên ngành kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất cũng như công tác phòng dịch bệnh Covid-19 tại các doanh nghiệp; tham mưu giải quyết các khó khăn vướng mắc trong việc cấp phép, gia hạn giấy phép cho lao động người nước ngoài và chế độ cho người lao động trong trường hợp phải nghỉ việc, thực hiện cách ly do dịch bệnh Covid-19; triển khai các giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp bán lẻ, doanh nghiệp dịch vụ, du lịch... như gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất, miễn tiền phạt chậm nộp đối với các doanh nghiệp thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19; hỗ trợ doanh nghiệp về nguồn vốn, miễn giảm lãi vay... để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân nhằm ổn định sản xuất, kinh doanh.

Trên cơ sở kiến nghị của các doanh nghiệp, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp UBND tỉnh đã giao các sở ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan trả lời 41 nội dung. Nội dung kiến nghị của doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào các vấn đề: hỗ trợ vay vốn, cơ cấu lại nợ vay và miễn, giảm lãi, phí ngân hàng; Tạm dừng đóng BHXH vào quỹ hưu trí và tử tuất; miễn, giảm thuế, chậm nộp thuế; Các vấn đề về tiền lương, làm thêm giờ; Gia hạn, miễn tiền chậm nộp BHXH, miễn kinh phí công đoàn; Vấn đề sử dụng lao động là người nước ngoài; Tạm dừng các cuộc thanh tra, kiểm tra; Giảm giá, gia hạn chậm thanh toán chi phí điện, nước, internet, dịch vụ viễn thông; Hỗ trợ xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa; việc áp dụng đơn giá, định mức xây dựng cơ bản... Đến nay, tất cả các kiến nghị của các doanh nghiệp đã được các sở, ngành, đơn vị có văn bản trả lời.

Nhằm nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ giải quyết những kiến nghị của doanh nghiệp, từ đầu năm đến nay UBND tỉnh đã tổ chức 03 Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp/nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các nội dung kiến nghị tại hội nghị đã được Lãnh đạo UBND tỉnh và các Sở, ngành trả lời cụ thể cho doanh nghiệp/nhà đầu tư.

Việc giải quyết phản ánh kiến nghị của doanh nghiệp và người dân trên hệ thống Hệ thống đường dây nóng và Chương trình “Lãnh đạo UBND tỉnh

gặp gỡ doanh nhân hàng tuần (vào ngày thứ 6) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên tổng hợp, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan thực hiện. Kết quả thực hiện đến hết ngày 31/8/2020 tất cả các nội dung kiến nghị của doanh nghiệp và người dân được tiếp nhận, giải quyết kịp thời.

2.6. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số A2 chỉ số Nộp thuế và Bảo hiểm xã hội

- Về nộp thuế:

+ Hệ thống phần mềm cung cấp cho Người nộp thuế trong việc hỗ trợ kê khai, nộp thuế điện tử thường xuyên được nâng cấp đã giúp cho người nộp thuế giảm thiểu được thời gian thực hiện thủ tục hành chính thuế. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho Người nộp thuế của cơ quan thuế đang được thực hiện ở cấp độ 3,4. Đến nay, 98,8% doanh nghiệp đăng ký và nộp Hồ sơ khai thuế qua mạng.

+ Quy trình quản lý thuế được công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế và được thông báo đến các doanh nghiệp trên địa bàn qua email. Công khai cơ sở dữ liệu về kê khai và hoàn thuế, bảo đảm 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian quy định của pháp luật. Công khai, minh bạch các quy định của Luật Quản lý thuế, bộ chỉ tiêu thu ngân sách, mức thu của các đối tượng nộp thuế trên địa bàn, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng.

+ Duy trì đối thoại với người nộp thuế theo kế hoạch đã đặt ra, tập trung giải quyết các vướng mắc của người nộp thuế hỏi bằng văn bản, hỏi qua điện thoại và hỏi trực tiếp tại cơ quan thuế.

- Về bảo hiểm xã hội:

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 100% các đơn vị đã đăng ký thực hiện giao dịch điện tử, hình thức giao dịch hồ sơ điện tử đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của các đơn vị sử dụng lao động, nhất là các đơn vị có số lao động lớn, có diễn biến tăng, giảm lao động, điều chỉnh mức lương phức tạp. Hiện nay, trong số 27 thủ tục hành chính do BHXH địa phương giải quyết có: 13 thủ tục thuộc dịch vụ công mức độ 4 (48%); 06 thủ tục thuộc dịch vụ công mức độ 3 (22%) và 08 thủ tục thuộc dịch vụ công mức độ 2 (30%).

Đề tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đầu tư và phát triển, BHXH tỉnh đã tiếp tục quyết liệt đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, trong đó chú trọng thực hiện giao dịch điện tử và qua dịch vụ công ích. Trong năm 2020, BHXH tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 339.689 lượt hồ sơ giấy; 461.419 lượt giao dịch điện tử; trả 156.500 lượt hồ sơ qua dịch vụ Buu chính công ích. Ngoài ra, BHXH tỉnh đã thường xuyên duy trì làm việc sáng thứ 7 hàng tuần với 153 lượt hồ sơ giao dịch.

Thực hiện chỉ đạo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, UBND tỉnh trước tình hình dịch bệnh có khả năng lây nhiễm cao, để hạn chế tụ họp nơi đông người, BHXH tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Buu điện tỉnh tuyên truyền, vận động,

khuyến khích đối tượng thụ hưởng chế độ BHXH, BHYT, BHTN nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua thẻ ATM; đồng thời, để đảm bảo công tác cách ly, phòng dịch Covid-19, BHXH tỉnh đã phối hợp với Bưu điện chi trả an toàn lương hưu tháng 4, tháng 5/2020 tại gia đình đối với những người thụ hưởng cao tuổi, sức khỏe ốm yếu. Bên cạnh đó, BHXH tỉnh đã phối hợp cùng với đơn vị sử dụng lao động, Trung tâm dịch vụ việc làm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vận động người lao động thụ hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức và chế độ BH thất nghiệp nhận chế độ qua tài khoản ATM. Đến nay, tổng số người lĩnh lương hưu và trợ cấp BHXH qua thẻ ATM chiếm 52,15% tổng số người thụ hưởng ở khu vực đô thị (trong đó: nhận lương hưu, trợ cấp hàng tháng: chiếm 13,73%; chế độ BHXH 1 lần: 42,71%; trợ cấp BH thất nghiệp: 100%)

2.7. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số B5 ứng dụng công nghệ thông tin, CI Hạ tầng công nghệ thông tin

- Ứng dụng công nghệ thông tin:

+ Đến nay, phần mềm quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH) đã triển khai cho 183 cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, bao gồm 47 cơ quan Nhà nước cấp tỉnh và UBND cấp huyện và 136 xã, phường, thị trấn. Tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với Cục Tin học hóa - Bộ TT&TT triển khai gửi nhận văn bản điện tử liên thông qua nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Ngoài khả năng liên thông gửi nhận văn bản điện tử giữa cấp tỉnh/huyện/xã trong nội bộ các cơ quan đang sử dụng phần mềm quản lý văn bản dùng chung thì hệ thống phần mềm quản lý văn bản dùng chung còn có thể liên thông gửi nhận văn bản điện tử lên Trục liên thông văn bản quốc gia với các cơ quan Trung ương.

+ Về phát triển dịch vụ công trực tuyến:

Cổng Dịch vụ công tỉnh đã kết nối, liên thông, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tính đến nay, Cổng Dịch vụ công tỉnh Vĩnh Phúc đã đăng tải 1.869 thủ tục hành chính công, trong đó tích hợp được 772 dịch vụ công trực tuyến (357 Dịch vụ công mức độ 3 và 415 Dịch vụ công mức độ 4).

Từ 21/12/2019 đến 16/12/2020, số lượng dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ là 73 dịch vụ công thuộc 15 cơ quan, đơn vị với tổng số 7.706 hồ sơ trực tuyến được nộp, trong đó có 3989 hồ sơ nộp mức độ 3 và 3717 hồ sơ nộp mức độ 4; 5584 hồ sơ nộp qua Cổng của tỉnh và 2.122 hồ sơ nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Về ứng dụng chữ ký số: Tính đến nay, đã thực hiện bàn giao 1.502 chứng thư số chuyên dùng (trong đó 425 chứng thư số cơ quan và 1.077 chứng thư số cá nhân), đăng ký cấp 53 sim PKI cho 15 đơn vị. Tỷ lệ văn bản điện tử ký số của toàn tỉnh đến hết năm 2020 ước đạt 90% (cấp tỉnh 97%, cấp huyện 80%).

Định kỳ hàng quý, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát thường xuyên tình hình thực hiện và kết quả triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, trong đó có đánh giá tình

hình sử dụng phần mềm QLVB&ĐH; thư điện tử công vụ và các cổng, trang thông tin điện tử (TTĐT)... của từng Sở, ngành, địa phương.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin: Tỉnh Vĩnh Phúc tích cực triển khai dự án Tăng cường thiết bị, phần mềm bảo đảm an toàn an ninh mạng tại trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh Vĩnh Phúc, từng bước hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Đến nay, đã triển khai, lắp đặt đường truyền số liệu chuyên dùng và đường truyền Internet phục vụ triển khai kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng, cho các cơ quan Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020.

2.8. Nhiệm vụ về cải thiện Chỉ số A3 Cấp phép xây dựng

Hiện nay, thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong công tác thẩm định thiết kế, cấp giấy phép xây dựng đang thực hiện đã cắt giảm tối thiểu 20% theo quy định, riêng thủ tục cấp giấy phép xây dựng giảm lên đến 73,3% thời gian giải quyết. Thời gian thực hiện các thủ tục thẩm định dự án/thiết kế cơ sở/thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công/cấp giấy phép xây dựng tối đa chỉ còn 56 ngày (so với yêu cầu của Chỉ thị tối đa còn 63 ngày), cụ thể:

- Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở công trình vốn NSNN: thời gian thực hiện 24 ngày đối với dự án nhóm B (giảm 06 ngày so với quy định là 30 ngày) và 16 ngày đối với dự án nhóm C trở xuống (giảm 04 ngày so với quy định là 20 ngày); Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở công trình vốn NNNNS, vốn khác: thời gian thực hiện 16 ngày đối với dự án nhóm B (giảm 04 ngày so với quy định là 20 ngày) và 12 ngày đối với dự án nhóm C trở xuống (giảm 03 ngày so với quy định là 15 ngày);

- Thẩm định thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công: thời gian thực hiện 24 ngày đối công trình cấp II, cấp III (giảm 06 ngày so với quy định là 30 ngày) và 16 ngày đối với công trình còn lại (giảm 04 ngày so với quy định là 20 ngày);

- Cấp giấy phép xây dựng: thời gian thực hiện 08 ngày làm việc (giảm 22 ngày so với quy định là 30 ngày).

Về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 09/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Thực hiện rà soát và gộp một TTHC trong lĩnh vực xây dựng nhằm giảm thời gian thực hiện, giảm giấy tờ, giảm số lần đi lại của các Chủ đầu tư và thực hiện nghiêm chỉ thị của Chính phủ về việc không được yêu cầu bổ sung hồ sơ quá 1 lần. Thường xuyên tiếp nhận các thông tin phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp qua đường dây nóng và trên trang thông tin điện tử để đối thoại và hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp. Đăng tải các thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch ngành... trên Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng để đảm bảo thông tin về quy hoạch được công bố minh bạch.

2.9. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số B4 Hạ tầng

- Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông: Vĩnh phúc đang tích cực đẩy nhanh công tác chuẩn bị và đầu tư các tuyến đường giao thông trọng điểm, giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đô thị Vĩnh Phúc, đặc biệt là các tuyến đường đến các khu du lịch, khu danh thắng của tỉnh đảm bảo được thuận tiện, an toàn, thông suốt, tạo điều kiện cho ngành du lịch - dịch vụ phát triển như: Dự án xây dựng cầu Vĩnh Phú qua Sông Lô kết nối tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Phú Thọ, Đường nối từ ĐT.310B vào hồ Thanh Lanh, huyện Bình Xuyên; Đường nút giao thông lập thể Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai (khu vực xã Văn Quán) đến trung tâm huyện Sông Lô và tuyến nhánh đi KCN Sông Lô I; Đường Vành đai 3 trong quy hoạch phát triển giao thông tỉnh Vĩnh Phúc đoạn Hương Canh - Yên Lạc, đoạn Yên Lạc - Bình Dương; Đường từ Cầu Phú Hậu đi Quốc lộ 2; Đường Hợp Châu - Đồng Tỉnh đến khu danh thắng Tây Thiên, Đường Tây Thiên - Tam Sơn...

- Công tác vận tải hành khách công cộng: Hiện tại, tỉnh Vĩnh Phúc đang triển khai xây dựng Đề án nâng cao chất lượng hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 trong đó bám sát việc tham mưu đề xuất mở thêm các điểm đón, trả khách tại các khu công nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, người lao động và khuyến khích công nhân, người lao động tham gia loại hình vận chuyển này góp phần giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông.

2.10. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số A4 Tiếp cận tín dụng

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện đa dạng các giải pháp về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng, mở rộng tín dụng có hiệu quả để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, nhất là trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đồng loạt giảm lãi suất để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong sản xuất.

Về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ: Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn đã ban hành và áp dụng quy chế nội bộ, hướng dẫn cụ thể về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh; chủ động liên hệ khách hàng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh, khoanh vùng những nhóm khách hàng, ngành nghề kinh doanh được đánh giá là chịu ảnh hưởng lớn để có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả. Một số biện pháp hỗ trợ được áp dụng như :

- Công tác huy động vốn và cho vay

+ Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đến 31/12/2020 đạt 91.710 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cuối năm 2019. Trong đó: Tiền gửi các TCKT đạt 34.000 tỷ đồng; tăng 3,52% so với cuối năm 2019. Tiền gửi tiết kiệm đạt 55.210 tỷ đồng; tăng 17,66% so với cuối năm 2019. Phát hành GTCC đạt 2.500 tỷ đồng; tăng cao so với cuối năm 2019.

+ Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn ước đến 31/12/2020 đạt 87.390 tỷ đồng; tăng 12% so với cuối năm 2019. Trong đó: *Dư nợ ngắn hạn* đạt 57.890 tỷ đồng; tăng 13,77% so với cuối năm 2019. Dư nợ trung - dài hạn đạt 29.500 tỷ đồng, tăng 8,71% so với cuối năm 2019.

- Tình hình hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19:

Hệ thống TCTD trên địa bàn triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng thuộc các ngành kinh tế như: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn bán lẻ, xây dựng; dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí... thông qua các biện pháp:

+ Cho vay mới với lãi suất thấp hơn từ 0,5-2%/năm so với lãi suất khoản vay cũ được 11.600 khách hàng, doanh số cho vay lũy kế từ ngày 23/01/2020 là 30.000 tỷ đồng, trong đó: Doanh nghiệp: 685 DN, DS đạt 15.600 tỷ đồng; Cá nhân, hộ gia đình kinh doanh cá thể: 10.915 trường hợp, doanh số đạt 14.400 tỷ đồng.

+ Miễn, giảm lãi vay cho 1.250 khách hàng, dư nợ đạt 3.300 tỷ đồng, trong đó: Doanh nghiệp: 240 DN, dư nợ đạt 1.890 tỷ đồng; Cá nhân, hộ gia đình kinh doanh cá thể: 1.010 trường hợp, dư nợ đạt 1.410 tỷ đồng.

+ Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 400 khách hàng, dư nợ đạt 900 tỷ đồng, trong đó: Doanh nghiệp: 72 DN, dư nợ đạt 760 tỷ đồng; Cá nhân, hộ gia đình kinh doanh cá thể: 328 trường hợp, dư nợ đạt 140 tỷ đồng

- Ngành ngân hàng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính như cắt giảm, cải tiến thủ tục cho vay, quy trình dịch vụ: Thời gian, số lần giao dịch giấy tờ cần cung cấp của khách hàng đã giảm 10-20%, một số quy trình/sản phẩm dịch vụ đã giảm 25% số lượng bản gốc mẫu biểu, giảm 45% số lượng chữ ký khách hàng và giảm 48% số lượng chữ ký cán bộ ngân hàng ; giảm 70%-75% thời gian đăng ký do khách hàng thực hiện trực tuyến. 100% ngân hàng thương mại duy trì công khai trên trang tin điện tử các thông tin về quy trình, thủ tục cung cấp dịch vụ đối với khách hàng.

2.11. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số C3 Hợp tác nghiên cứu nhà trường - doanh nghiệp và C9 các Chỉ số thuộc nhóm nguồn nhân lực:

- Về hợp tác nghiên cứu nhà trường - doanh nghiệp

+ Tổ chức định hướng, phân luồng học sinh sau khi hết chương trình THCS: chỉ tuyển tỷ lệ nhất định học sinh tốt nghiệp THCS vào học tiếp các trường THPT trên địa bàn, còn lại động viên, khuyến khích các em đi học nghề kết hợp chương trình giáo dục thường xuyên THPT tại các trường cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh và lựa chọn những ngành nghề phù hợp với các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

+ Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo gắn với thực tiễn doanh nghiệp, tăng cường cho học sinh, sinh viên thực tập, kiến tập tại các doanh nghiệp; Quan tâm

tìm đầu ra cho học sinh tại các doanh nghiệp.

+ Các trường đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp.

+ Chủ động, tích cực nắm bắt, tiếp nhận và xử lý kiến nghị của doanh nghiệp trong lĩnh vực đầu tư vào giáo dục và đào tạo, tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Về nguồn nhân lực:

+ Đưa nội dung “khởi nghiệp” vào trong giảng dạy hướng nghiệp tại các trường trung học để học sinh có định hướng phát triển trong tương lai.

+ Tăng cường việc đưa người nước ngoài vào giảng dạy môn ngoại ngữ trong các trường phổ thông theo Đề án của tỉnh.

+ Bồi dưỡng công nghệ thông tin, ngoại ngữ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo các đề án đã được duyệt.

+ Tăng cường chỉ đạo công tác dạy học đối với cấp học phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường công tác kiểm soát chất lượng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn. - Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của các trung tâm GDTX theo hướng thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ do nhiều cơ quan quản lý, chỉ đạo.

+ Đổi mới công tác tuyển sinh lớp 10 từ năm học 2020-2021.

+ Khảo sát nhu cầu học tập ở từng cấp, từng ngành, từng phương thức đào tạo từ đó có quy hoạch cho mạng lưới các trường, cơ sở đào tạo.

+ Hỗ trợ nhà đầu tư tìm kiếm địa điểm; tạo điều kiện thuận lợi môi trường kinh doanh cho các nhà đầu tư. Tăng cường tổ chức hội nghị, tọa đàm thường niên; cuộc gặp trong nước và quốc tế để quảng bá về GD và vận động đầu tư.

+ Tổ chức nghiên cứu và học tập về kinh nghiệm phát triển giáo dục ở trong và ngoài nước.

+ Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân nhà đầu tư thành lập các trung tâm ngoại ngữ, tin học ở những nơi chưa có; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học; Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm trong tổ chức hoạt động, liên kết đào tạo, thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

2.12. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (B1), chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng (A9) và chỉ số Phá sản doanh nghiệp (A10):

UBND tỉnh ban hành Văn bản số 3162/UBND-NC2 ngày 28/4/2020 về thực hiện nhiệm vụ nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (B1) trên địa

bàn tỉnh. Việc thực hiện chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng (A9) và chỉ số Phá sản doanh nghiệp (A10) theo quy định.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tăng cường với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 6/02/2020 về thực hiện Nghị quyết số 209/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong năm 2020, tập trung phổ biến pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp quy định văn bản pháp luật mới được ban hành với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để nâng cao hiểu biết từ đó thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 09/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

Thực hiện nghiêm việc công khai các thủ tục hành chính, cập nhật thường xuyên các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính về điều kiện đầu tư kinh doanh. Cải tiến quy trình giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp theo hướng giảm chi phí nộp hồ sơ, nhận kết quả; rút ngắn thời gian; tăng mức độ trả kết quả đúng thời hạn, giảm thời gian đi lại cho doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Ứng dụng thư điện tử công vụ thường xuyên, liên tục; Ứng dụng chữ ký số được triển khai thông suốt.

2.13. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số Tiếp cận điện năng (A6)

Nhằm nâng cao chỉ số Tiếp cận điện năng, tỉnh Vĩnh Phúc chỉ đạo Công ty Điện lực Vĩnh Phúc tích cực tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua Internet và dịch vụ bưu chính công ích; Đẩy mạnh ứng dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công và đảm bảo hệ thống thanh toán, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ổn định, an toàn, thuận lợi và hiệu quả cho người dân, khách hàng; tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư giảm thời gian thực hiện các thủ tục về thỏa thuận đầu nối, mua bán điện năng, đảm bảo thực hiện chỉ số tiếp cận điện năng theo đúng mục tiêu đề ra. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư giảm thời gian thực hiện các thủ tục về thỏa thuận đầu nối, mua bán điện năng, đảm bảo thực hiện chỉ số tiếp cận điện năng theo đúng mục tiêu đề ra.

2.14. Nhiệm vụ về nâng cao Chỉ số Chất lượng đào tạo nghề (B6)

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thành lập cơ sở dạy nghề, đăng ký hoạt động dạy nghề, tổ chức đào tạo và sử dụng lao động sau đào tạo. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 trường trung cấp và 04 trung tâm dạy nghề thuộc doanh nghiệp đang thực hiện chức năng dạy nghề là: Trường trung cấp nghề Kỹ thuật xây dựng và nghiệp vụ thuộc Công ty Cổ phần Vinaconex, Trung

tâm Dạy nghề Công ty cổ phần O tô thuộc Công ty cổ phần Vận tải ô tô Vĩnh Phúc, Trung tâm Dạy nghề VPC thuộc Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư VPC, Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Hùng Vương thuộc Công ty TNHH Anh Tâm, Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe an toàn thuộc Công ty Honda Việt Nam.

- Hàng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp ký kết đào tạo các ngành nghề theo danh mục trên; Cụ thể như: Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp ký kết hợp tác với 9 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh giai đoạn 2019-2025, cung ứng 21.500 lao động. Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc, Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp thực hiện ký kết Bản ghi nhớ hợp tác với 05 Công ty: Công ty TNHH Funing Precision Component, Công ty TNHH Compal Việt Nam, Công ty TNHH Công nghiệp Chính xác Việt Nam 1, Công ty TNHH Công nghệ Cosmos và nhiều doanh nghiệp khác ở trong và ngoài tỉnh. Năm 2020 tuyển sinh được 29.716 người trong đó trình độ cao đẳng 1.481 người, trung cấp 5.998 người, sơ cấp 22.237 người và cao đẳng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang thực hiện tuyển sinh, ước đạt khá hơn so với năm 2019.

Ước giải quyết việc làm năm 2020 cho 20.844 lao động, trong đó:

- Giải quyết việc làm trong nước cho: 19.750 lao động (công nghiệp-xây dựng: 9.348 người; nông- lâm- ngư nghiệp: 3.835 người; dịch vụ - thương mại: 6.567 người).

- Toàn tỉnh đưa: 1.094 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 09/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Tạo điều kiện thuận lợi, kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc trong việc cấp phép, gia hạn giấy phép cho lao động người nước ngoài. Để thực hiện tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc cấp phép, gia hạn giấy phép cho lao động người nước ngoài trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19, UBND tỉnh ban hành văn bản số 471/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 21/3/2020, qua đó giúp người sử dụng lao động nước ngoài, các chuyên gia nước ngoài được cấp giấy phép lao động để chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn vận hành sản xuất tại doanh nghiệp giảm nguy cơ doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, đóng cửa gây ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của người lao động. Tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành rà soát các doanh nghiệp có sử dụng lao động người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc rà soát, thống kê danh sách lao động nước ngoài theo thứ tự ưu tiên muốn nhập cảnh vào làm việc để tổng hợp, đề nghị Cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an tạo điều kiện cho người lao động nước ngoài được phép nhập cảnh.

- Giải quyết khó khăn, vướng mắc trong giải quyết chế độ cho người lao động phải nghỉ việc, cách li do COVID-19: Thực hiện hướng dẫn trả lương

ngừng việc và giải quyết chế độ cho người lao động trong thời gian ngừng việc liên quan đến dịch bệnh COVID-19 đến người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh; việc lập hồ sơ đề nghị xác định số lao động thuộc diện tham gia BHXH tạm thời nghỉ việc do ảnh hưởng của dịch COVID-19 để doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục gửi Bảo hiểm xã hội đề nghị tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất. Hỗ trợ trả lời vướng mắc của doanh nghiệp khi phải tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc không bố trí được việc làm cho người lao động mà người sử dụng lao động không có khả năng trả lương; về thời giờ làm việc và tính lương đối với thời giờ làm việc ban đêm, ngày lễ, tết, ngày nghỉ hàng tuần; trả tiền lương trong thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Hướng dẫn 09 doanh nghiệp, 01 hợp tác xã rà soát, xác định chính sách được hỗ trợ được hưởng theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

2.15. Nhiệm vụ về nâng cao chỉ số Chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (B8), chỉ số Tăng trưởng về doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (B9), chỉ số Công ty có ý tưởng sáng tạo mới đột phá (B10), các chỉ số thuộc nhóm Giải pháp công nghệ (C7) và các chỉ số thuộc nhóm Năng lực đổi mới sáng tạo (C8)

- Về cho vay vốn đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị: Quỹ Phát triển KH&CN đã; Phê duyệt, phối hợp cùng Ngân hàng giải ngân cho 01 dự án Đầu tư máy móc dây chuyền khảm vàng lên thủy tinh pha lê tại nhà máy sản xuất gia công thủy tinh pha lê OSUM, do Công ty OSUM làm chủ đầu tư, tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, với số vốn vay 8,4 tỷ đồng. Thẩm định 03 dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm từ rạn tại làng nghề truyền thống xã Vĩnh Sơn của ông Hạ Xuân Vi với số vốn đề nghị vay 1,3 tỉ đồng; dự án Ứng dụng khoa học công nghệ đầu tư trạm trộn bê tông công suất 90m³/h của Công ty TNHH MTV Xây dựng Lương Bằng với số vốn đề nghị vay 9,0 tỉ đồng; dự án Nâng cấp công nghệ dây chuyền sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu chất lượng cao của Công ty TNHH 3-5 Vĩnh Phúc với số vốn đề nghị vay 7,0 tỉ đồng

- Về đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, thu hút đầu tư của doanh nghiệp cho khoa học, công nghệ và sáng tạo...: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 quy định trình tự, thủ tục thực hiện Nghị quyết số 89/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ và phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025; hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 84-Ctr/TU ngày 31/12/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52- NQ/TU của Bộ Chính trị về nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, định hướng đến năm 2035; Kế hoạch Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

- Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cấp

chứng chỉ quản lý chất lượng sản phẩm, chứng chỉ quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm: Việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến chỉ thông qua hình thức tư vấn, còn hỗ trợ kinh phí từ NSNN hiện nay chưa có chế. Đối với việc xây dựng thương hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn số 4098/HD-UBND ngày 02/6/2020 thực hiện Nghị quyết số 90/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ năm 2020. Trên địa bàn tỉnh có 01 doanh nghiệp (Công ty CP Đầu tư DIA) được cho phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận địa lý TRAVATAĐA Trà hoa vàng Tam Đảo - Vĩnh Phúc cho sản phẩm hàng hóa. Hỗ trợ, tư vấn cho: Hợp tác xã Bánh chưng Tây Thiên (xã Đại Đình, huyện Tam Đảo) xây dựng nhãn hiệu tập thể; Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Nhân Lý (xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên) xây dựng nhãn hiệu tập thể GAO PHÚ XUÂN. Hỗ trợ các đơn vị kinh doanh xăng dầu thực hiện Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu; 04 doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; 05 doanh nghiệp tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chất lượng thép nhập khẩu của 221 lượt đơn vị. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy cho 08 doanh nghiệp. Cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ cho 04 doanh nghiệp.

2.16. Nhiệm vụ về nâng cao chỉ số Đăng ký tài sản (A7) và chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai (B3)

- Thông qua việc rà soát, kiểm tra, giám sát thực hiện các thủ tục hành chính và trên cơ sở tiếp nhận ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân, cơ quan Nhà nước có liên quan, tỉnh Vĩnh Phúc cắt giảm từ 20 đến 35% thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết từ 10 ngày trở lên (tương đương cắt giảm từ 5-10 ngày làm việc), trong đó lĩnh vực đất đai có 20/34 thủ tục thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, 02 thủ tục thuộc cấp huyện giải quyết.

- Công tác giải phóng mặt bằng là công việc rất khó khăn, phức tạp; còn bộc lộ một số hạn chế, như: tiến độ giải phóng mặt bằng còn chậm; việc giải quyết yêu cầu tái định cư chưa đồng bộ, bất cập; tình trạng khiếu nại liên quan đến giải phóng mặt bằng vẫn diễn biến phức tạp; việc công khai, minh bạch trong thực hiện cơ chế, chính sách còn hạn chế; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân có lúc, có dự án chưa thực hiện sâu rộng... Trong thời gian vừa qua, UBND tỉnh đã giải quyết, tháo gỡ khó khăn trong vướng mắc BTGPMB cho trên 20 dự án thông qua các giải pháp sau: Có cơ chế, chính sách, sử dụng vốn Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hợp pháp để GPMB thực hiện dự án và GPMB theo quy hoạch, tạo quỹ đất “sạch” chuẩn bị mặt bằng thực hiện dự án, đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn lực tài chính; Xây dựng cơ chế khuyến khích các hộ gia đình đủ điều kiện tái định cư được nhận hỗ trợ bằng tiền để tự tái định cư theo phương thức tự nguyện. Thực hiện đồng bộ giữa công tác tuyên truyền và thực hiện tốt các chính sách về giải phóng mặt bằng, tái định

cur. Thực hiện nhất quán chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, có cơ chế phối hợp để tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện tốt chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc chung là: tính đúng, tính đủ, công khai và minh bạch. phối hợp chuẩn bị tốt địa điểm tái định cư và thông báo trước đủ thời gian để nhân dân kịp chuẩn bị di chuyển, sớm ổn định cuộc sống nơi ở mới. Quan tâm xây dựng và thực hiện các dự án đào tạo nghề cho nhân dân ở khu vực bị thu hồi đất.

- Thực hiện đối thoại với các doanh nghiệp, các huyện thành phố về lĩnh vực quản lý: Theo kế hoạch đã đề ra, trong năm 2020 dự kiến sẽ tổ chức 02 Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, huyện, thành phố.

2.16. Nhiệm vụ về nâng cao chỉ số Kiểm soát tham nhũng (B2)

Việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra được thực hiện nghiêm túc, không chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra; đảm bảo không thanh tra, kiểm tra mỗi doanh nghiệp quá 01 lần/năm theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

Các cuộc thanh tra được thực hiện theo đúng Kế hoạch đã được phê duyệt, nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm; công tác thanh tra đã tập trung vào những lĩnh vực bức xúc, nhạy cảm có nhiều ý kiến của cử tri và công luận, góp phần khắc phục tồn tại, thiếu sót, kiến nghị sửa đổi bổ sung cơ chế, chính sách pháp luật; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thanh tra, tạo điều kiện phát triển cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019, Công điện 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 769/CT-TTg ngày 17/5/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra; Công văn 2650-CV/TU ngày 20/6/2019 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc rà soát, chấn chỉnh, phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về Phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ, tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc đây mạnh công tác giám sát, thẩm định kết quả thanh tra, bảo đảm các cuộc thanh tra có chất lượng, hiệu quả, đúng và vượt tiến độ; thực hiện công khai kết luận thanh tra; tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị và quyết định xử lý về thanh tra; hướng dẫn các cơ quan thanh tra triển khai các cuộc thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, hạn chế chồng chéo; tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP VÀ KẾ HOẠCH SỐ 51/KH-UBND

1. Khó khăn, vướng mắc:

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, khó lường và có nguy cơ ngày càng lan rộng, hiện đã bùng phát tại nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới và tác động, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu và nhiều nước, nhất là tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Italy, Singapore và một số quốc gia khác là đối tác lớn về đầu tư, thương mại của tỉnh. Tình hình này ảnh hưởng lớn đến kế hoạch phát triển kinh - tế xã hội của tỉnh, trong đó có hoạt động đối ngoại, hoạt động thu hút đầu tư, xúc tiến du lịch, thương mại và hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các hội nghị đối thoại chưa được tổ chức trong giai đoạn vừa qua do ảnh hưởng dịch bệnh Covid19 tại Việt Nam.

- Một số Bộ, ngành chưa ban hành hoặc chậm ban hành các hướng dẫn để triển khai thực hiện việc cải thiện các chỉ số trong Nghị quyết số 02/NQ-CP gây khó khăn cho các cơ quan địa phương, cụ thể: Bộ Khoa học và Công nghệ chưa có hướng dẫn cụ thể về các chỉ số: Chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (B8); Tăng trưởng về doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (B9); Công ty có ý tưởng sáng tạo mới đột phá (B10); chỉ số thuộc nhóm Giải pháp công nghệ (C7); chỉ số thuộc nhóm Năng lực đổi mới sáng tạo (C9) gây lúng túng cho các cơ quan khi thực hiện triển khai các nội dung liên quan đến các chỉ số này.

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu. Vướng mắc phát sinh khi triển khai dịch vụ công cấp độ 3, cấp độ 4 khi kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ giao dịch còn nhiều khó khăn. Việc số hóa, tạo lập các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin nền tảng chính quyền điện tử cấp tỉnh triển khai chậm, manh mún, thiếu đồng bộ, chưa có sự chia sẻ, tích hợp, liên thông. Tỷ lệ chia sẻ, dùng chung hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp còn chưa cao. Hạ tầng và nguồn nhân lực CNTT tại địa phương chưa bảo đảm cho việc xây dựng, triển khai, ứng dụng các hệ thống chính quyền điện tử.

- Thủ tục hành chính đã được thường xuyên cập nhật, chỉnh sửa nhưng vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc khi áp dụng trong thực tiễn, cần tiếp tục tháo gỡ để đáp ứng yêu cầu đề ra. Việc công bố điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các TTHC, quy trình nội bộ còn chậm so với quy định của pháp luật mới, ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị do có sự khác nhau về thành phần hồ sơ, quy trình, thời gian giải quyết TTHC, phí, lệ phí. Nhiều TTHC bộ, ngành Trung ương quy định liên thông nhưng ở tỉnh chưa công bố theo quy định, dẫn tới không đồng bộ với Cổng Dịch vụ công Quốc gia và ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết TTHC. Nhiều TTHC tỉnh có thể gộp lại thành một nhóm TTHC liên thông, song song giải quyết nhằm tiết kiệm thời gian và thành phần hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nhưng tại Vĩnh Phúc cơ bản chưa đơn giản được mà vẫn làm đúng theo quy định của TTHC của Bộ, ngành. Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư đều quy định: Văn bản điện tử

được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện hồ sơ điện tử còn rất thấp.

- Việc thực hiện thu tiền điện không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ thấp do phần lớn người sử dụng điện sinh sống tại các khu vực nông thôn, người dân chưa có thói quen thanh toán qua tài khoản ngân hàng hoặc sử dụng các dịch vụ thanh toán trực tuyến.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, chưa đạt tiến độ đề ra. Các dự án điều chỉnh quy hoạch, diện tích điều chỉnh giữa các lô, thửa đất của các giai đoạn giao đất không rõ ràng, quá trình xác định giá gặp rất nhiều khó khăn, kéo dài thời gian định giá đất.

- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch còn chưa hoàn thiện. Một số dự án đầu tư kinh doanh lĩnh vực du lịch có quy mô và tầm cỡ quốc tế chậm triển khai theo đúng tiến độ, do vậy, chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng dịch vụ du lịch. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số khu, điểm du lịch vẫn còn diễn ra, đặc biệt tại Khu du lịch Tam Đảo, dẫn đến những ảnh hưởng không tốt tới sự môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh du lịch.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết 02/NQ-CP và Kế hoạch 51/KH-UBND của một số sở ngành còn chưa nghiêm túc, chưa đảm bảo thời báo cáo, nội dung báo cáo chung chung, chưa bám sát vào các nhiệm vụ đã được giao tại Kế hoạch số 51/KH-UBND cũng như đề cương và phụ biểu đề nghị báo cáo, gây ra khó khăn cho Sở Kế hoạch và Đầu tư khi tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Nguyên nhân:

- Hệ thống các chỉ số được đưa ra trong Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ khá phức tạp, bên cạnh đó, hướng dẫn của các Bộ, ngành TW còn chậm nên các cơ quan tại địa phương vẫn cần thời gian để tiếp cận và nghiên cứu, dẫn đến việc triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao các chỉ số còn nhiều khó khăn và vướng mắc.

- Hạ tầng thông tin lưu trữ chưa được đầu tư tương ứng với sự phát triển, hạn chế về khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý và cải cách thủ tục hành chính chưa đồng bộ giữa các Hệ thống quốc gia và Hệ thống quản lý của tỉnh.

- Quy trình điều chỉnh luật, nghị định, thông tư còn khá dài dẫn đến các quy định của pháp luật chậm thay đổi, điều chỉnh, không bao quát hết được các tình huống phát sinh thực tế, gây ra khó khăn cho các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định tại nhiều văn bản nằm rải rác, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện.

- Người dân tại các khu vực nông thôn chưa có thói quen thanh toán qua tài khoản ngân hàng hoặc sử dụng các dịch vụ thanh toán trực tuyến.

- Hệ thống các chỉ số được đưa ra trong Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ khá phức tạp, bên cạnh đó, hướng dẫn của các Bộ, ngành TW còn chậm nên các cơ quan tại địa phương vẫn cần thời gian để tiếp cận và nghiên cứu, dẫn đến việc triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao các chỉ số còn nhiều vướng mắc.

- Hạ tầng thông tin lưu trữ chưa được đầu tư tương ứng với sự phát triển, hạn chế về khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý và cải cách thủ tục hành chính chưa đồng bộ giữa các Hệ thống quốc gia và Hệ thống quản lý của tỉnh.

- Quy trình điều chỉnh luật, nghị định, thông tư còn khá dài dẫn đến các quy định của pháp luật chậm thay đổi, điều chỉnh, không bao quát hết được các tình huống phát sinh thực tế, gây ra khó khăn cho các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định tại nhiều văn bản nằm rải rác, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện.

- Người dân tại các khu vực nông thôn chưa có thói quen thanh toán qua tài khoản ngân hàng hoặc sử dụng các dịch vụ thanh toán trực tuyến.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 trên cơ sở hướng dẫn của cá bộ, ngành TW về các bộ chỉ số, nhóm chỉ số, chỉ số thành phần, phân đầu đạt được các mục tiêu kế hoạch 51/KH-UBND đã đề ra.

- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh tiếp tục chủ động, quyết liệt trong việc tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng năm 2021 trong đó tập trung vào cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực.

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tác động của Dịch Covid-19 để phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo kết luận của Bộ Chính trị số 77-KL/TW ngày 05/6/2020; Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kêu gọi đầu tư và tổ chức các hội nghị gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp, các hiệp hội, nhà đầu tư theo các hình thức phù hợp.

- Duy trì kết quả giải quyết TTHC trả trước và đúng hạn đạt từ 98,5% trở lên. Cập nhật TTHC kịp thời theo quy định. Tăng cường đơn giản hóa TTHC,

tích hợp các TTHC đơn giản, thực hiện liên thông và song song một số TTHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát tiến độ, chất lượng giải quyết TTHC toàn tỉnh.

- Tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp mở rộng tín dụng đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là lĩnh vực ưu tiên và các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Thông tư 01/2020/TT-NHNN đúng quy định và hiệu quả. Chủ động cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn để đảm bảo thanh khoản.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt đối với thu học phí, viện phí, tiền điện, viễn thông, thủ tục hành chính.

- Ưu tiên thu hút đầu tư, lấp đầy tại các KCN: Bá Thiện II; Bình Xuyên II; Thăng Long Vĩnh Phúc; Bá Thiện -Phân khu 1; hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ các dự án đã cấp phép đầu tư trong KCN nhằm sớm hoàn thành dự án và đi vào hoạt động tạo môi trường đầu tư hiệu quả thúc đẩy khả năng thu hút đầu tư mới; đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng các KCN Khai Quang, Bình Xuyên, Tam Dương II - khu A, Bá Thiện II, Sơn Lôi) đẩy nhanh tiến độ BT GPMB, thực hiện đầu tư hạ tầng phần diện tích còn lại; Phối hợp với các nhà đầu tư và các cơ quan liên quan để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án KCN Nam Bình Xuyên, Sông Lô I, Sông Lô II, Tam Dương I - khu vực 2, trình Bộ Kế hoạch Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án KCN; phối hợp với UBND huyện Vĩnh Tường, Tam Dương, Tam Đảo trong việc thực hiện BT GPMB các KCN Chấn Hưng và Tam Dương II-khu B; theo dõi đôn đốc các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư KCN Lập Thạch I và Lập Thạch II; hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư KCN đối với KCN Phúc Yên khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh lựa chọn nhà đầu tư.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua các buổi tiếp xúc giao và làm việc với các Đại sứ, Trưởng Cơ quan đại diện các nước tại Việt Nam, Trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài lên thăm và làm việc với tình qua đó đề xuất các Trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ tinh trong công tác thu hút đầu tư và xúc tiến thương mại.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công chức, công vụ nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực thi công vụ; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ; tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Các sở, ban, ngành thường xuyên rà soát việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã phân công; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo quy định, đảm bảo chất lượng về nội dung và hình thức báo cáo.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

1. Kiến nghị với Chính phủ:

- Giao các Bộ, cơ quan ngang bộ: Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy định ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không còn phù hợp; ban hành Quy chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan; giữa các cơ quan liên quan tại địa phương trong công tác quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Ban hành cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý Nhà nước đối với người nước ngoài sử dụng visa doanh nghiệp vào Việt Nam để tiện theo dõi, quản lý.

- Tăng cường đầu tư ngân sách cho hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về công tác hỗ trợ nâng cao hiệu quả thị trường lao động an toàn, vệ sinh lao động, việc làm...

2. Kiến nghị các Bộ, ngành TW:

- Tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính và “giấy phép con”; rà soát các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh để sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh nhất là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện...

- Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá chi tiết Chỉ số năng lực cạnh tranh du lịch làm căn cứ để các địa phương triển khai thực hiện đánh giá; Ban hành văn bản hướng dẫn công bố số liệu về du lịch theo phương pháp tính toán tài khoản vệ tinh du lịch theo Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), hướng dẫn để địa phương cập nhật số liệu hàng năm trên phần mềm cơ sở dữ liệu du lịch.

- Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn về việc đăng ký áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc doanh nghiệp đề xuất chuyển đổi từ loại hình không hưởng chính sách doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP. Hiện nay rất vướng mắc khi xin ý kiến của cơ quan hải quan về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vì các văn bản trả lời của cơ quan hải quan đều ghi “chưa có cơ sở xem xét” hoặc “chưa có hướng dẫn cụ thể” hoặc từ chối cho ý kiến (Về nội dung này, tỉnh Vĩnh Phúc đã có Văn bản số 5590/UBND-CN2 ngày 24/7/2019 gửi Bộ Tài chính nhưng chưa được trả lời).

Tại Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc hiện có 03 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động doanh nghiệp chế xuất nên dự án vẫn chưa triển khai và đi vào hoạt động. Một số doanh nghiệp dự kiến đầu tư theo hình thức doanh nghiệp chế xuất vào khu công nghiệp này chưa quyết định đầu tư do vướng mắc trên chưa được giải quyết. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thu hút đầu tư và năng lực sản xuất tăng thêm của các dự án trong KCN Thăng Long Vĩnh Phúc.

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, hướng dẫn triển khai, áp dụng các chỉ số Chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (B8), Tăng trưởng về doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (B9), Công ty có ý tưởng sáng tạo mới đột phá (B10), các chỉ số thuộc nhóm Giải pháp công nghệ (C7) và các chỉ số thuộc nhóm Năng lực đổi mới sáng tạo (C8).

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong năm 2020, UBND tỉnh Vĩnh Phúc trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TTTU (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- CPVP;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- TT phục vụ HCC tỉnh;
- HHDN tỉnh;
- CV NCTH;
- Lưu: VT.

(H b)

Lê Duy Thành